TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-11-2020
Vụ án:“ Ly hôn,
Tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Bà Trần Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thọ

Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

-Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo–Thư ký TAND thành phố Bà Rịa

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 306/2020/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, về “Ly hôn-Tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXX – ST ngày 16/11/2020

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (có mặt)

HKTT và nơi cư trú: Số 4060 Đường L, tổ 2, ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Trịnh Minh H, sinh năm 1975 (có mặt)

HKTT và nơi cư trú: Số 4060 Đường L, tổ 2, ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa, bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Trịnh Minh H sau 01 thời gian tìm hiểu khoảng 03 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 16-4-2009. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống với nhau hạnh phúc. Khoảng tháng 3 năm 2020, bà T nghi ngờ ông H có tình cảm với người khác nên thường xuyên theo dõi và cài định vị. Đến tháng 7 năm 2020, bà T phát hiện ông H thường qua lại với một người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra cãi vả. Đến tháng 8 năm 2020, thì vợ chồng bà sống ly thân cho đến nay. Nay bà T xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên bà làm đơn yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Minh H

Về con chung: Có 02 con chung là Trịnh Nguyễn Anh M, sinh ngày 06-02-2011 và Trịnh Nguyễn Minh A, sinh ngày 27-10-2012. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung; bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Bị đơn, ông Trịnh Minh H trình bày: Về điều kiện kết hôn đúng như lời bà Nguyễn Thị T trình bày. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Ông cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là do ông, tuy nhiên, giữa ông với người phụ nữ kia chỉ có nhắn tin cho vui thôi chứ không có quan hệ gì. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn vì còn rất yêu thương bà T

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung như lời bà T trình bày. Trong trường hợp tòa giải quyết cho bà T ly hôn thì ông yêu cầu giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của con.

Tài sản chung và nợ chung: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện "Yêu cầu ly hôn – Tranh chấp về con chung" với ông Trịnh Minh H; Ông H có nơi cư trú tại Số 4060 Đường L, tổ 2, ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trịnh Minh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào năm 2009, phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn do bà T xuất trình nên hôn nhân của bà T, ông H là hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của bà T và ông H là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật.

Theo bà T và ông H thì thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến tháng 7-2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 8-2020, vợ chồng sống ly thân từ cho đến nay. Nguyên nhân dân đến mâu thuẫn vợ chồng theo bà T là do ông H có quan hệ với người phụ nữ khác. Ông H cũng xác nhận mâu thuẫn như lời bà T trình bày nhưng giữa ông với người phụ nữ đó chỉ có nhắn tin qua lại cho vui thôi chứ không có quan hệ gì.

Qua xem xét các chứng cứ do bà T cung cấp là những tin nhắn của ông H thì thấy việc ông H có nhắn tin với người phụ nữ khác là có thật, nội dung tin nhắn rất nhạy cảm và bà T cho rằng bị tổn thương sâu sắc, không thể chấp nhận được, không thể tha thứ được. Lời khai của bà T phù hợp với lời thừa nhận của ông H và chứng cứ do bà T cung cấp nên có đủ cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa bà T, ông H là có thật. Bà T xác nhận không còn tình cảm gì với ông H nữa nên yêu cầu ly hôn, trong khi đó ông H cho rằng vẫn còn yêu thương bà T nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy sự mâu thuẫn tình cảm giữa bà T và ông H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung với nhau nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T

- Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung là Trịnh Nguyễn Anh M, sinh ngày 06-02-2011 và Trịnh Nguyễn Minh A, sinh ngày 27-10-2012.

Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, ông H thì yêu cầu giải quyết vấn đề con chung theo nguyện vọng của con chung.

Qua làm việc thì Trịnh Nguyễn Anh M có nguyện vọng ở với ông H và Trịnh Nguyễn Minh A có nguyện vọng ở với bà T. Tại phiên tòa, bà T cũng đồng ý với nguyện vọng của con chung nên ghi nhận. Do đó, bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng Trịnh Nguyễn Minh A, sinh ngày 27-10-2012 và ông Trịnh Minh H được trực tiếp nuôi dưỡng Trịnh Nguyễn Anh M, sinh ngày 06-02-2011. Bà T, ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Án phí HNST: Bà Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về "*Ly hôn - Tranh chấp về nuôi con*"

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trịnh Minh H

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trịnh Minh H có 02 con chung là Trịnh Nguyễn Anh M, sinh ngày 06-02-2011 và Trịnh Nguyễn Minh A, sinh ngày 27-10-2012.

Bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng Trịnh Nguyễn Minh A

Ông Trịnh Minh H được trực tiếp nuôi dưỡng Trịnh Nguyễn Anh M

Bà T và ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung;

Bà T, ông H được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở;

Vì lợi ích của con chung, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự hoặc của các cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trịnh Minh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí HNST: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số TU/2020/0002863 ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa, bà T đã nộp xong án phí.

[5] Đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (25-11-2020) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR- VT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- THA Dân sự TP Bà Rịa;
-UBND xã Tân Hưng, Tp Bà Rịa
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Mai